

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2025/HNGĐ- ST
Ngày 22/9/2025
“V/v: Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- ĐẮK LẮK**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Giao;
2. Bà Trần Thị Liên;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quỳnh, Thư ký
Tòa án nhân dân Khu Vực 1- Đắk Lắk;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 1- Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Phương Thảo- Chức vụ: Kiểm sát viên;

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 1- Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 338/2025/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2025/QĐST- HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị L, sinh năm 1985 (Vắng mặt- có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: xã H, tỉnh Đắk Lắk;

Bị đơn: Ông Hà Duy D, sinh năm 1978 (Vắng mặt);

Địa chỉ: xã H, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trịnh Thị L trình bày có nội dung:

Bà Trịnh Thị L và ông Hà Duy D tự nguyện chung sống với nhau năm 2004, vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 25/10/2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình;

Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là các cháu Hà Kiều A, sinh ngày 11/5/2005; Hà Minh T, sinh ngày 09/9/2009 và Hà Quỳnh H, sinh ngày 01/9/2017;

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, ông D không chăm lo làm ăn, quan tâm chăm sóc gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa; mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, không hòa giải được nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể tiếp tục quy về chung sống nên bà Trịnh Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hà Duy D;

Về con chung: Cháu Hà Kiều A đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung là cháu Hà Minh T và Hà Quỳnh H đến tuổi trưởng thành;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trịnh Thị L không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trịnh Thị L xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Hiện nay công việc của bà là làm nông, thu nhập khoảng 8.000.000đ/tháng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho ông Hà Duy D nhưng ông Hà Duy D vắng mặt không lý do; do đó Tòa án không ghi được lời khai của ông Hà Duy D và không tiến hành hòa giải cho các đương sự được;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 1- Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân Khu Vực 1- Đắk Lắk đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án, xét thấy bà Trịnh Thị L và ông Hà Duy D tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nay bà Trịnh Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Hà Duy D là có cơ sở chấp nhận;

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trịnh Thị L về việc ly hôn với ông Hà Duy D. Về con chung: Con chung là Hà Kiều A, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2005 đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết; Giao các con chung là Hà Minh T, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2009 và Hà Quỳnh H, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2017 bà Trịnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành; Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung: Bà Trịnh Thị L không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Trịnh Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Hà Duy D có nơi cư trú tại số nhà xã H tỉnh Đắk Lắk; đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu Vực 1- Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về thủ tục tố tụng: Xét thấy nguyên đơn bà Trịnh Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Hà Duy D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị L và ông Hà Duy D tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình duy trì hôn nhân, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày càng gay gắt, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng tháng 4 năm 2023 cho đến nay;

Xác minh tại địa phương thể hiện mâu thuẫn giữa bà Trịnh Thị L và ông Hà Duy D phát sinh đã lâu và kéo dài đến nay; mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó cần chấp nhận nguyện vọng ly hôn của bà Trịnh Thị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Về con chung: Con chung là Hà Kiều A, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2005 đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Các con chung là Hà Minh T, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2009 và Hà Quỳnh H, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2017 hiện đang ở với mẹ, có nguyện vọng được ở với mẹ; do đó cần giao các cháu cho mẹ là bà Trịnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành là phù hợp;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trịnh Thị L không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Ông Hà Duy D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở;

Về tài sản chung: Bà Trịnh Thị L không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về án phí: Bà Trịnh Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 220; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị L về việc yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Hà Duy D;

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị L được ly hôn với ông Hà Duy D;

Về con chung:

Con chung là Hà Kiều A, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2005 đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Giao các con chung là Hà Minh T, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2009 và Hà Quỳnh H, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2017 bà Trịnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trịnh Thị L không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Ông Hà Duy D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở;

Về tài sản chung: Bà Trịnh Thị L không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về án phí: Bà Trịnh Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Trịnh Thị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001473 ngày 16 tháng 5 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nay là Phòng thi hành án dân sự K;

Nguyên đơn bà Trịnh Thị L, bị đơn ông Hà Duy D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu Vực I;
- UBND xã N, tỉnh Hưng Yên (GCNĐKKH số 10, quyền số 01/2003, ngày 25/10/2004 của UBND xã T, T, Thái Bình);
- Thi hành án dân sự K;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thị Diễm Hương